Câu 1: Cho tập hợp $A=\{8;m;l;n;5;2;v;t\}$. Cách viết nào sau đây là đúng.

A. $\{8;v\}\in A$. **B.** $18\in A$. **C.** $1;2;5;8\subset A$. **D.** $\{1;2;5;8;m;n\}\subset A$.

Câu 2: Tập hợp các chữ cái có trong từ TOAN HOC là:

A. $\{T,O,A,N,H,O,C\}$. **B.** $\{T,O,A,N\}$.

C. $\{H,O,C\}$. **D.** $\{T,O,A,N$.

Câu 3: Tập hợp các số tự nhiên $\mathbb{N}$ được viết đúng là:

A. $\mathbb{N}=\{0;1;2;3;4;...\}$. **B.** $\mathbb{N}=\{0;1;2;3;4\}$.

C. $\mathbb{N}=\{0,1,2,3,4,...\}$. **D.** $\mathbb{N}=\{0,1,2,3,4.\}$.

Câu 4: Số phần tử của tập hợp $A=\{1;3;5;7;9;...;999\}$ là:

A. 999. **B.** 998. **C.** 500. **D.** 499.

Câu 5: Số La Mã XIV có giá trị là:

A. 4. **B.** 10. **C.** 14. **D.** 16.

Câu 6: Số các số tự nhiên có 4 chữ số là:

A. 8999 số. **B.** 9000 số. **C.** 9800 số. **D.** Một kết quả khác.

Câu 7: Tìm số tự nhiên x, biết: $5x+3x=88$

A. $x=11$. **B.** $x=5$. **C.** $x=8$. **D.** Một kết quả khác.

Câu 8: Kết quả của phép tính $120-60:5-4$ là:

A. 8. **B.** 60. **C.** 104. **D.** 112.

Câu 9: Một cửa hàng có 7305 mét vải, cưa hàng đã bán đi 2183 mét vải. Số mét vải còn lại của cửa hàng là:

A. 4122. **B.** 5122. **C.** 5022. **D.** 5222.

Câu 10: Kết quả của phép tính $5^5.5^3$ bằng:

A. 5^8. **B.** 5^{15}. **C.** 25^{15}. **D.** 10^8.

Câu 11: Kết quả của phép tinh: $3^{15}:3^5$ bằng:

A. 1. **B.** 3^5. **C.** 3^{10}. **D.** 3^3.

Câu 12: Kết quả của phép tính: $3^4:3+2^3:2^2$ bằng:

A. 11. **B.** 83. **C.** 13. **D.** 29.

Câu 13: Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

A. $\{\}\to[]\to()$. **B.** $()\to[]\to\{\}$. **C.** $\{\}\to()\to[]$. **D.** $[]\to()\to\{\}$.

Câu 14: Thay x, y bằng những số nào để số $\overline{23xy}$ chia hết cho cả 2,3,5 và 9?

A. $x=3;y=0$. **B.** $x=4;y=0$. **C.** $x=0;y=4$. **D.** $x=8;y=5$.

Câu 15: Tập hợp tất cả các ước của 9 là:

LIVEWORKSHEETS

A. $\{0;1;3;9\}$. **B.** $\{1;3;9\}$. **C.** $\{1;3;6\}$. **D.** $\{1;3\}$.

Câu 16: Trong các số sau, số nào chia hết cho cả 3 và 5?

A. 2010. **B.** 2015. **C.** 2022. **D.** 2020.

Câu 17: Tổng $2020+15$ chia hết cho số nào sau đây?

A. 9. **B.** 7. **C.** 5. **D.** 3.

Câu 18: Số hình tam giác đều trong hình vẽ 1 là:

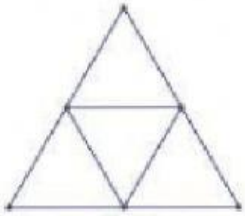

Hình 1

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 19: Số hinh thoi trong hình vẽ 1 là:

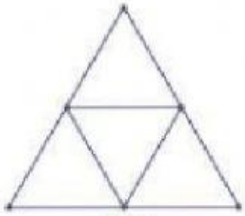

Hình 1

A. 0. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

Câu 20: Hinh vuông có chu vi 20 cm thì diện tích của nó là:

A. 20 cm^2. **B.** 25 cm. **C.** 25 cm^2. **D.** 16 cm^2.

Câu 21: Một hình chữ nhật có chu vi 24 cm, chiều rộng là 5 cm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

A. 15 cm^2. **B.** 25 cm^2. **C.** 35 cm^2. **D.** 24 cm^2.

Câu 22: Khẳng định nào sau đây đủ nhất cho câu hỏi: "Hình chữ nhật có."

A. Có hai cạnh đối song song và bằng nhau.

B. Có hai đường chéo bằng nhau.

C. Có bốn góc ở các đỉnh đều là góc vuông.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 23: Một hình vuông có độ dài cạnh là 10 cm. Chu vi của hình vuông bằng bao nhiêu dm?

A. 40 cm. **B.** 100 cm. **C.** 100 cm^2. **D.** 10dm.

Câu 24: Một hình chữ nhật có chiều dài là 2dm, chiều rộng là 8 cm. Chu vì của hình chữ nhật đó là:

A. 16 cm. **B.** 32 cm. **C.** 280 cm. **D.** 56 cm.

Câu 25: Một hình chữ nhật có diện tich bằng 18 cm^2; kich thước một cạnh của hình chữ nhật là 2 m. Kích thược cạnh còn lại của hình chữ nhật đó là:

LIVEWORKSHEETS

A. $45\ cm$. **B.** $9\ m$. **C.** $7\ m$. **D.** $45\ cm^2$.

Câu 26: Một hình vuông có diện tích $16\ cm^2$. Chu vi của hình vuông là:

A. $4\ cm$. **B.** $8\ cm$. **C.** $16\ cm$. **D.** $32\ cm$.

Câu 27: Mọt hình thoi có diện tích là $40dm^2$, độ dài một đường chéo là $8dm$. Độ dài đường chéo còn lại là:

A. $5dm$. **B.** $10dm$. **C.** $320dm$. **D.** $160dm$.

Câu 28: Cho hình vẽ sau và nối tương ứng với tên gọi của các hình:

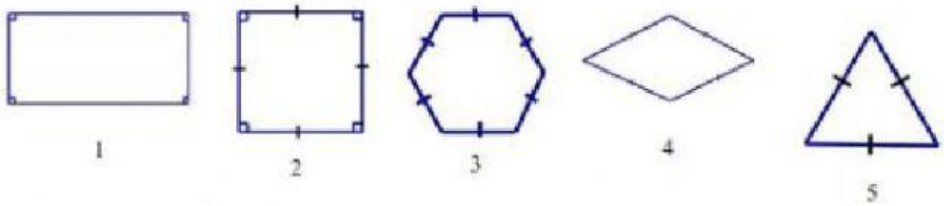

A. Hinh tam giác đều. **B.** Hinh vuông. **C.** Hình lục giác đều. **D.** Hình chữ nhật **E.** Hinh thoi

LIVEWORKSHEETS